

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **35/2020/DS-ST**

Ngày: 26/9/2020

V/v tranh chấp về hui

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Doãn Thị Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Đức Nhân.

2. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Đình Tất, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2020/TLST-DS ngày 22/4/2020 về “*Tranh chấp về hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 540/2020/QĐXX-ST ngày 08 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Anh **Bùi Phạm Tất P**, sinh năm 1989

Chị **Nguyễn Thiên T**, sinh năm 1990

Ủy quyền cho bà **Phạm Thị C**, sinh năm 1958 đại diện. (*có mặt*)

Địa chỉ: khu T, thị trấn T, huyện T, Đồng Nai. (Giấy uỷ quyền ngày 05/5/2020).

Bị đơn: Chị **Lê Thị Ngọc T1**, sinh năm 1968 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: tổ 14, khu T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người làm chứng: Chị **Bùi Thị Ngọc Q**, sinh năm 1983 (*có mặt*)

Địa chỉ: tổ 14, khu T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Anh **Đặng Văn B**, sinh năm 1962 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: khu H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Chị **Nguyễn Hải L**, sinh năm 1972 (*có mặt*)

Địa chỉ: Khu L, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1976 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: khu L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo như đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn anh P và chị T, bản tự khai, lời khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị C trình bày:***

Anh P và chị T có tham gia chơi 03 dây hụi với chủ hụi là chị T1.

Dây 1: Mở ngày 25/8/2019 với 28 thành viên, khui hụi 02 lần 01 tháng vào ngày 10 tây và 25 tây hàng tháng. Hụi chết là đóng 2.000.000 đồng. Hụi sống khi ăn 460.000 đồng, khi ăn 480.000 đồng, khi ăn 500.000 đồng, khi ăn 550.000 đồng, khi ăn 570.000 đồng, khi ăn 580.000 đồng, khi ăn 600.000 đồng. Đóng được 13 kỳ cho chị T1 số tiền là 18.750.000 đồng. Anh P và chị T đang là hụi sống nên tính dây 1 số tiền 26.000.000 đồng.

Dây 2: Mở ngày 25/8/2019 với 28 thành viên, khui hụi 02 lần 01 tháng vào ngày 10 tây và 25 tây hàng tháng. Hụi chết là đóng 2.000.000 đồng. Hụi sống khi ăn 460.000 đồng, khi ăn 480.000 đồng, khi ăn 500.000 đồng, khi ăn 550.000 đồng, khi ăn 570.000 đồng, khi ăn 580.000 đồng, khi ăn 600.000 đồng. Đóng được 13 kỳ cho chị T1 số tiền 18.750.000 đồng. Anh P và chị T đang là hụi sống nên tính dây 1 số tiền 26.000.000 đồng.

Dây 3: Mở ngày 15/12/2019 với 23 thành viên tham gia chơi, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 15 tây hàng tháng. Dây này khui 03 kỳ khi ăn 760.000 đồng, lúc ăn 800.000 đồng. Anh P với chị T đã đóng cho chị T1 được số tiền 6.680.000 đồng. Anh P và chị T là hụi sống nên tính dây 3 số tiền là 9.000.000 đồng.

Nay anh P và chị T yêu cầu chị T1 phải trả số tiền của 03 dây hụi là: 61.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

***Bị đơn chị Lê Thị Ngọc T1: vắng mặt không có ý kiến.***

***Theo lời trình bày của những người làm chứng:***

1/ *Theo lời khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Hải L trình bày:* Chị L là người sinh sống gần nhà của bà C (là người đại diện của anh P và chị T). Bà C nhờ chị lên làm chứng. Chị không có quan hệ bà còn gì với bà C. Chị có tham gia chơi hụi cùng với anh P và chị T chủ hụi là chị T1. Chị biết anh P và chị T có tham gia chơi 03 dây hụi.

Dây 01: Chơi là 1.000.000 đồng, khui 02 lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng. Tại lời khai chị L trình bày anh P với chị T đóng được mấy lần rồi bỏ không chơi là chị trình bày không đúng. Tại tòa chị xác nhận anh P và chị T tham gia chơi hụi dây 1 như bà C trình bày.

Dây 02: Chơi 2.000.000 đồng, khui ngày 10 và ngày 25 hàng tháng. Anh P với chị T đã đóng 13 lần số tiền 26.000.000 đồng.

Dây 3: Chơi 3.000.000 đồng, khui hàng tháng 01 lần vào ngày 15. Anh P và chị T đóng được 03 kỳ số tiền 9.000.000 đồng.

Anh P và chị T là hụi sống nên tính tiền theo hụi sống, tiền chênh lệnh hụi sống và hụi chết không nhớ cụ thể, chỉ nhớ khoảng hơn bốn trăm nghìn, hơn năm trăm nghìn, hơn sáu trăm nghìn. Ngoài ra chị không còn ý kiến nào khác.

2/ Theo lời khai của anh Đặng Văn B trình bày: Vợ anh B là bà Bùi Thị T có tham gia chơi hụi cùng với anh P và chị T chủ hụi là chị T1 do vợ chơi cụ thể như thế nào anh không rõ. Anh xin vắng mặt không tham gia phiên tòa.

3/ Theo lời khai và tại phiên tòa chị Bùi Thị Ngọc Q trình bày: Chị biết được anh P và chị T có tham gia chơi hụi, chủ hụi là chị T1 ở gần nhà chị vì chồng chị tên Nguyễn Văn H tham gia chơi hụi cùng. Chị biết là chị T1 có đến nhà anh P và chị T1 thu tiền hụi, cụ thể chơi như thế nào chị không rõ.

4/ Theo lời khai của chị Trần Thị T trình bày: Chị cùng với anh P và chị T có tham gia chơi 03 dây hụi, chủ hụi là chị T1.

Dây 1: Mở ngày 25/8/2019 với 28 thành viên, hụi khui 02 lần vào ngày 10 và 25 tây hàng tháng. Hụi chết là đóng 2.000.000 đồng. Hụi sống khi ăn 460.000 đồng, khi ăn 480.000 đồng, khi ăn 500.000 đồng, khi ăn 550.000 đồng, khi ăn 570.000 đồng, khi ăn 580.000 đồng, khi ăn 600.000 đồng. Đóng được 13 kỳ cho chị T1 số tiền là 18.750.000 đồng nhưng anh P và chị T đang là hụi sống nên tính dây 1 số tiền 26.000.000 đồng.

Dây 2: Mở ngày 25/8/2019 với 28 thành viên, khui hụi 02 lần vào ngày 10 và 25 tây hàng tháng. Hụi chết là đóng 2.000.000 đồng, hụi sống khi ăn 460.000 đồng, khi ăn 480.000 đồng, khi ăn 500.000 đồng, khi ăn 550.000 đồng, khi ăn 570.000 đồng, khi ăn 580.000 đồng, khi ăn 600.000 đồng. Đóng được 13 kỳ đóng cho chị T1 số tiền 18.750.000 đồng nhưng anh P và chị T đang là hụi sống nên tính dây 2 số tiền là 26.000.000 đồng.

Dây 3: Mở ngày 15/12/2019 với 23 thành viên tham gia chơi, mỗi tháng khui 01 lần vào ngày 15 tây hàng tháng. Dây này khui 03 kỳ khi thì ăn 760.000 đồng, khi thì ăn 800.000 đồng. Anh P với chị T đã đóng cho chị T1 được 6.680.000 đồng. Anh P và chị T là hụi sống nên tính dây 3 số tiền là 9.000.000 đồng. Chị cũng tham gia chơi hụi và đã khởi kiện bằng một vụ án khác.

Theo biên bản xác minh ngày 12/8/2020 tại khu T do Trưởng khu T, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai cung cấp như sau: Việc chơi hụi giữa nguyên đơn anh P và chị T với bị đơn chị T1 có biết nhưng cách thức chơi như thế nào, số lượng người chơi như thế nào không biết. Chị T1 là chủ hụi và bề hụi bỏ đi khỏi địa phương.

Theo như kết quả xác minh tại Công an khu T, thị trấn Long Thành như sau: Vào tháng 3 năm 2020 chị T1 có dấu hiệu bề hụi, những người liên quan đến việc chơi hụi có đến công an thị trấn Long Thành trình báo. Từ tháng 3 năm 2020 chị T1 đã đi khỏi địa phương và đi đâu địa phương không rõ.

#### ***Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:***

**Về tố tụng:** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hạn giải quyết, thu thập chứng cứ, việc xét xử của Hội đồng xét xử, việc tuân theo pháp luật của Thư ký đúng quy định. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng và

đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

**Về nội dung:** Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của C phủ về Hui, họ, biểu, phường thì việc anh P và chị T yêu cầu chị T1 trả số tiền hui là có căn cứ. Anh P và chị T đã đóng cho chị T1 tổng số tiền 61.000.000 đồng. Chị T1 không tiếp tục thực hiện việc mở hui như đã thoả thuận dẫn tới anh P và chị T không nhận lại số tiền mình đã tham gia.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn chị T1 phải trả cho anh P và chị T số tiền 61.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Long Thành thụ lý quan hệ tranh chấp pháp là tranh chấp giao dịch dân sự (tranh chấp hui) được quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật dân sự; Về thẩm quyền theo lãnh thổ Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai thụ lý giải quyết nơi bị đơn cư trú là thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu: Trước khi hội đồng xét xử ban hành bản án các bên không yêu cầu áp dụng thời hiệu.

Chị T1 đã được tổng đạt hợp lệ, niêm yết tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử nhưng chị T1 vẫn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị T1.

[2] Qua đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn chị T và anh P, bản tự khai và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị C cùng với lời khai của người làm chứng, các chứng cứ khác thể hiện tại hồ sơ và quá trình tranh tụng tại phiên toà nhận thấy:

Anh P và chị T có chơi 03 dây hui với chủ hui là chị T1, với tổng số tiền là 61.000.000 đồng. Chị T1 là chủ hui không tiếp tục thực hiện việc mở hui như đã thoả thuận, xâm phạm đến quyền lợi chơi hui của những người chơi trong đó có anh P và chị T1.

Chị T1 đã được tổng đạt hợp lệ, niêm yết tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử nhưng chị T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, chị T1 phải chịu hậu quả của việc từ bỏ quyền của mình.

Vì vậy, anh P, chị T yêu cầu chị T1 phải trả số tiền của 03 dây hui là: 61.000.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi là có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh P và chị T1 được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên chị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh P và chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quan điểm của Viện kiểm sát: Phù hợp với quan điểm của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;**

**Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;**

**Căn cứ vào Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của C**  
**phủ về Hui, họ, biên, phường.**

**Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban**  
**thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng**  
**án phí và lệ phí Tòa án;**

### **Tuyên xử:**

**Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thiên T và anh Bùi Phạm Tất P**  
**đối với chị Lê Thị Ngọc T1.**

**Buộc chị Lê Thị Ngọc T1 phải trả cho chị Nguyễn Thiên T và anh Bùi Phạm**  
**Tất P số tiền hui là 61.000.000đ (sáu mươi một triệu đồng).**

**Về án phí DSST: Chị Lê Thị Ngọc T1 phải chịu 3.050.000đ (ba triệu không**  
**trăm năm mươi nghìn đồng); Hoàn trả cho chị Nguyễn Thiên T và anh Bùi Phạm**  
**Tất P số tiền 1.525.000đ (một triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng**  
**án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003310 ngày 22/04/2020 của Chi cục Thi hành án**  
**Dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.**

**Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi**  
**hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu**  
**cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho**  
**người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn**  
**phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định**  
**tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.**

**Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự**  
**thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa**  
**thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng**  
**ché thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời**  
**hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.**

**Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.**  
**Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ**  
**ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của**  
**pháp luật./.**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Doãn Thị Hằng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND TP. Biên Hòa (02);
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa (01);
- Các đương sự (10);
- Lưu HS-VP(03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

